

BẢN TIN NGÀY 11/5/2023

NHÓM BẤT ĐỘNG SẢN BẤT NGỜ TĂNG MẠNH, THANH KHOẢN CẢI THIỆN TỐT

HOSE	
Tổng số cổ phiếu	572
Số mã tăng giá	197
Số mã giảm giá	155
Số mã tham chiếu	80
Số mã không giao dịch	140

HNX	
Tổng số cổ phiếu	348
Số mã tăng giá	108
Số mã giảm giá	83
Số mã tham chiếu	58
Số mã không giao dịch	99

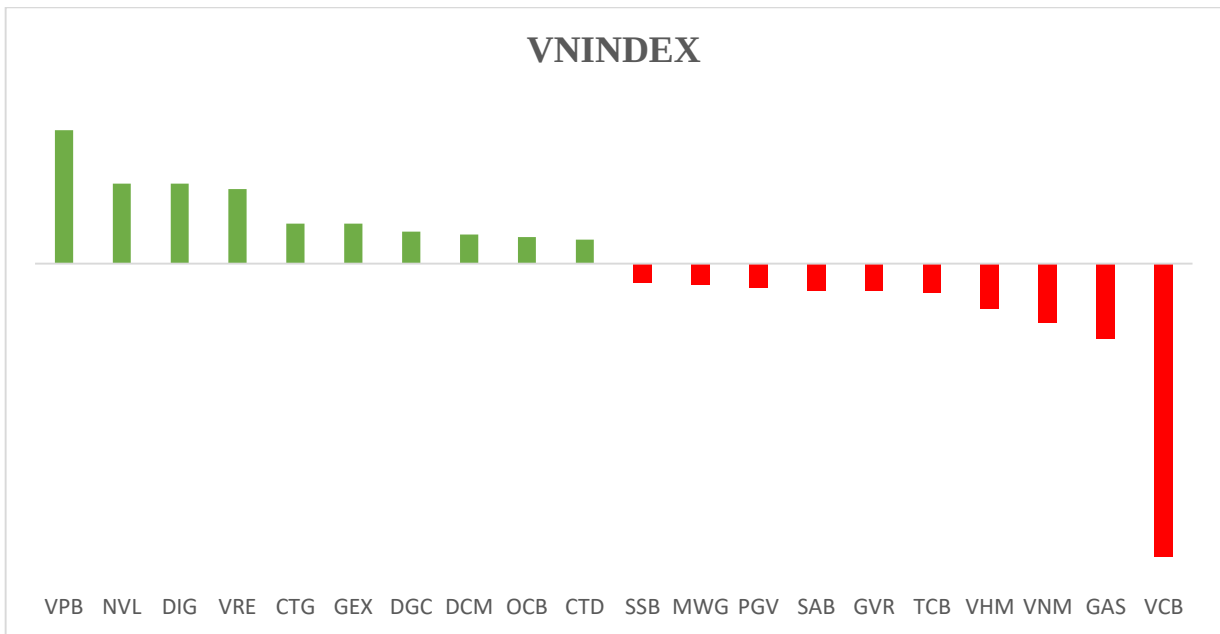
UPCOM	
Tổng số cổ phiếu	860
Số mã tăng giá	181
Số mã giảm giá	90
Số mã tham chiếu	78
Số mã không giao dịch	511

Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/05/2023, VNINDEX giảm 1.14 điểm (*tương đương 0.11%*) xuống mức 1057.12 điểm. Trên sàn HOSE có 197 mã tăng, 155 mã giảm và 80 mã giữ tham chiếu. Giá trị giao dịch tăng và khối lượng giao dịch của thị trường ngày hôm nay gần như giữ nguyên so với phiên trước đó với tổng giá trị khớp lệnh đạt 11530.694 tỷ đồng.



Các mã có tác động tích cực nhất đến VNINDEX bao gồm VPB (+0.424 điểm), NVL (+0.2522 điểm), DIG (+0.211 điểm), VRE (+0.143 điểm), CTG (+0.1188 điểm).

Ngược lại, các mã tác động tiêu cực nhất đến chỉ số bao gồm VCB (-1.1699 điểm), GAS (-0.4706 điểm), VNM (-0.2589 điểm), VHM (-0.2589 điểm), TCB (-0.1735 điểm).



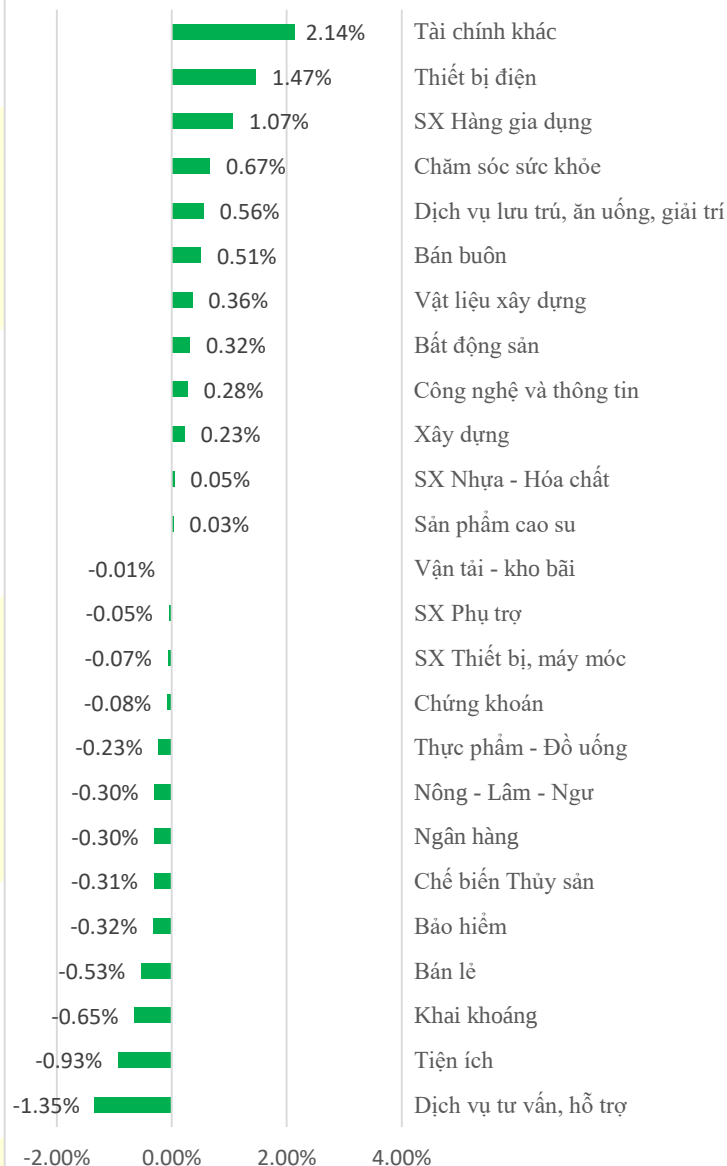
Khối ngoại hôm nay MUA ròng với giá trị khoảng 140 tỷ trên toàn thị trường, trong đó khối ngoại tập trung MUA mạnh nhất là VND với giá trị MUA ròng lên đến gần 72.17 tỷ đồng, tiếp theo là SSI với giá trị là 64.17 tỷ và cuối cùng là STB với giá trị là 37.22 tỷ. Chiều ngược lại, khối ngoại tập trung BÁN ròng NLG với giá trị tỷ là 18.35, tiếp theo là TV2 với giá trị là 16.88 tỷ và cuối cùng là VCB với giá trị là 15.56 tỷ.

Top NN mua ròng				Top NN bán ròng			
Mã CK	GT mua ròng (Tỷ đồng)	Giá	Thay đổi	Mã CK	GT bán ròng (Tỷ đồng)	Giá	Thay đổi
VND	72.17	15.55	0.25 (1.63%)	NLG	-18.35	33.35	-0.50 (-1.48%)
SSI	64.17	22.40	-0.10 (-0.44%)	TV2	-16.88	26.10	-0.65 (-2.43%)
STB	37.22	26.40	0.05 (0.19%)	VCB	-15.56	91.00	-1.00 (-1.09%)
VRE	27.40	28.05	0.25 (0.90%)	DPM	-15.17	33.40	0.45 (1.37%)
HDG	21.74	34.60	0.10 (0.29%)	DHC	-14.61	39.15	-0.35 (-0.89%)
DXG	18.85	14.50	0.20 (1.40%)	SAB	-12.62	164.50	-0.70 (-0.42%)
HPG	14.46	21.75	0.05 (0.23%)	GAS	-11.11	92.20	-1.00 (-1.07%)
PVD	14.34	22.30	0.45 (2.06%)	CTD	-10.71	62.00	4.00 (6.90%)
TNG	12.13	19.40	-0.20 (-1.02%)	VGC	-10.64	37.00	-0.10 (-0.27%)
MWG	10.96	38.70	-0.30 (-0.77%)	FUESSVFL	-9.32	16.14	-0.01 (-0.06%)

Trong 25 nhóm ngành ngày hôm nay, có 12 nhóm ngành tăng điểm, các nhóm tăng điểm chủ yếu đó là: **Tài chính khác, Thiết bị điện, SX Hàng gia dụng**, 13 nhóm ngành bị điều chỉnh, tiêu biểu là các nhóm **Dịch vụ tư vấn và hỗ trợ, Tiện ích và Khai khoáng**.

Nhóm ngành	Gía hiện tại	% Thay đổi
Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ	252	-1.35%
Tiện ích	495	-0.93%
Khai khoáng	183	-0.65%
Bán lẻ	506	-0.53%
Bảo hiểm	125	-0.32%
Chế biến Thủy sản	1,73	-0.31%
Ngân hàng	560	-0.30%
Nông - Lâm - Ngư	24	-0.30%
Thực phẩm - Đồ uống	1,17	-0.23%
Chứng khoán	99.6	-0.08%
SX Thiết bị, máy móc	13.2	-0.07%
SX Phụ trợ	418	-0.05%
Vận tải - kho bãi	414	-0.01%
Sản phẩm cao su	244	0.03%
SX Nhựa - Hóa chất	450	0.05%
Xây dựng	458	0.23%
Công nghệ và thông tin	308	0.28%
Bất động sản	424	0.32%
Vật liệu xây dựng	693	0.36%
Bán buôn	31.8	0.51%
Dịch vụ lưu trú, ăn uống, giải trí	44	0.56%
Chăm sóc sức khỏe	453	0.67%
SX Hàng gia dụng	295	1.07%
Thiết bị điện	171	1.47%
Tài chính khác	11.8	2.14%

CHỈ SỐ CÁC NHÓM TÁC ĐỘNG



CẬP NHẬT CÁC TIN NỘI BẬT CỦA DOANH NGHIỆP NGÀY 11/05/2023

- **Cao su Việt Nam (GVR) lãi ròng đạt 550 tỷ đồng trong quý I, nguy cơ mất trắng hơn 600 tỷ nợ xấu:** Tại thời điểm cuối quý I/2023, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có khoản nợ xấu 1.020 tỷ đồng và dự kiến chỉ có thể thu hồi khoảng 375 tỷ đồng. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HoSE: GVR) vừa công bố báo cáo tài chính quý I/2023, ghi nhận doanh thu thuần 4.135 tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp ở mức 24%, giảm 6 điểm % so với quý I/2022. Lý giải về lợi nhuận gộp giảm, phía Tập đoàn cho biết, tình hình kinh tế chung biến động theo chiều hướng khó khăn làm giá bán các mặt hàng chủ yếu giảm so với cùng kỳ, trong khi đó, giá cả nhiều mặt hàng đầu vào tăng mạnh.
- **Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR): Lãi quý I hơn 1.600 tỷ, trừ gần 29.000 tỷ đồng tiền nhân rồi:** Với 1.621 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, Lọc hoá dầu Bình Sơn đã gần hoàn thành mục tiêu lợi nhuận năm sau quý I/2023, công ty có 28.564 tỷ đồng tiền gửi ngắn hạn. Công ty CP Lọc hoá dầu Bình Sơn (UpCom: BSR) vừa công bố BCTC hợp nhất quý I/2023 với doanh thu 34.066 tỷ đồng giảm nhẹ so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp ở mức 6%, giảm 2 điểm % so với quý I/2022. Lý giải về tình hoạt động sản xuất kinh doanh kém thuận lợi hơn doanh nghiệp cho biết so với cùng kỳ, giá dầu thô tương đối ổn định ở mức 82 USD/thùng và giảm nhẹ còn 78,56 USD/thùng ở tháng 3.
- **Lợi nhuận quý I chưa nổi 1 tỷ đồng, cổ phiếu HUT của Tasco 'quay xe' sau chuỗi 4 phiên tăng trần:** Tasco đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 600 tỷ đồng, nhưng với lãi chưa đến 1 tỷ đồng sau quý I doanh nghiệp còn cách rất xa chỉ tiêu này. Công ty CP Tasco (HNX: HUT) vừa công bố BCTC hợp nhất quý I/2023 với doanh thu thuần đạt 295 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động thu phí vẫn là mảng đem về doanh thu lớn nhất với 253 tỷ đồng, tiếp theo là kinh doanh bất động sản với 25 tỷ đồng. Giá vốn bán hàng tăng 40% lên 197 tỷ đồng khiến biên lãi gộp giảm từ 41% xuống 33%. Doanh thu tài chính giảm 80% xuống 25 tỷ đồng do không ghi nhận các khoản thoái vốn như quý I/2022. Trong kỳ, chi phí tài chính, bán hàng giảm nhẹ, còn chi phí doanh nghiệp tăng 48% lên 43 tỷ đồng.
- **Hàng không hồi phục, ACV lãi tăng gần gấp đôi trong quý I, mỗi ngày kiếm ngọt nhét 20 tỷ đồng:** Trong bối cảnh ngành hàng không đang sáng dần lên, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam ghi nhận doanh thu đạt hơn 4.700 tỷ đồng và lãi sau thuế hơn 1.600 tỷ. Trong kỳ, giá vốn hàng bán của Cảng hàng không Việt Nam tăng 23%,

thấp hơn mức tăng của doanh thu thuần nên công ty lãi gộp 2.939 tỷ đồng. Biên lãi gộp trong kỳ đạt 62,2%, cải thiện nhiều so với 31,1% của cùng kỳ năm ngoái.

- **First Real (FIR): Ba tháng đầu 2023, doanh thu cả lợi nhuận đồng loạt 'chìm sâu':**

Địa ốc First Real (FIR) vừa công bố báo cáo tài chính quý II niên độ tài chính 2022 - 2023 (từ 1/10/2022 - 30/9/2023), trong đó cả doanh thu và lợi nhuận đều sụt giảm mạnh so với cùng kỳ. Quý II vừa qua, doanh thu của First Real chỉ đạt 62,8 tỷ đồng, giảm 33%, tương ứng giảm khoảng 32 tỷ đồng so với mức 94,3 tỷ đồng đạt được trong quý II/2022. Trong khi đó, chi phí lãi vay tăng đến 384% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế do đó chỉ đạt 12,8 tỷ đồng, giảm hơn 57,91% so với kỳ so sánh. Quy mô tài sản của First Real hiện ở mức 1.391 tỷ đồng. Theo quan sát, chất lượng tài sản của First Real đang khá xấu khi hai chỉ số hàng tồn kho (331 tỷ đồng) và các khoản phải thu ngắn hạn (870 tỷ đồng) đã chạm mức 1.201 tỷ đồng, chiếm gần như 100% tài sản ngắn hạn (1.203 tỷ đồng).

- **Điện Gia Lai (GEG): Cải thiện tình trạng công nợ, giải tỏa áp lực dòng tiền nhờ EVN tăng giá điện 3%:**

PHS cho biết, năm 2023, GEG lên kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế là 2.785 tỷ đồng và 155 tỷ đồng, tăng 25% về doanh thu nhưng giảm 58% về lợi nhuận so với thực hiện của năm cũ. Kế hoạch cân trọng này dựa trên giả định rằng sản lượng điện sẽ đạt 1,3 tỷ kWh trong năm nay, trong đó, điện gió sẽ chiếm tỷ trọng cao nhất với 537 triệu kWh (chiếm 68%). Nói là cân trọng bởi những chỉ tiêu lợi nhuận trên thấp hơn đáng kể so với dự báo mà PHS đưa ra. Cụ thể, công ty chứng khoán này cho rằng GEG sẽ thu về khoảng 2.481 tỷ đồng trong năm 2023, và đạt mức lợi nhuận sau thuế là 253 tỷ đồng.

CẬP NHẬT CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN TRONG TUẦN 08/05/2023 – 12/05/2023

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VIP	HOSE	12/5/2023	15/05/2023	31/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PHN	HNX	12/5/2023	15/05/2023	25/05/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PTD	HNX	12/5/2023	15/05/2023	25/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

4	THI	HOSE	11/5/2023	12/5/2023	29/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NAC	UPCoM	11/5/2023	12/5/2023	31/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	BAX	HNX	11/5/2023	12/5/2023	14/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	FTS	HOSE	11/5/2023	12/5/2023	1/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	FTS	HOSE	11/5/2023	12/5/2023		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
9	BMN	UPCoM	11/5/2023	12/5/2023	24/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	KGM	UPCoM	11/5/2023	12/5/2023	22/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	HHR	UPCoM	11/5/2023	12/5/2023	29/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CCV	UPCoM	11/5/2023	12/5/2023	19/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,187 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HPW	UPCoM	11/5/2023	12/5/2023	26/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 850 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	LCW	UPCoM	10/5/2023	11/5/2023	31/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 10.7 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	VAV	UPCoM	10/5/2023	11/5/2023	19/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	DHG	HOSE	10/5/2023	11/5/2023	19/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	MEF	UPCoM	10/5/2023	11/5/2023	18/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	MCF	HNX	10/5/2023	11/5/2023	22/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 730 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	NHT	HOSE	10/5/2023	11/5/2023	22/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



20	DPP	UPCoM	9/5/2023	10/5/2023	24/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	AGX	UPCoM	9/5/2023	10/5/2023	18/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	CAP	HNX	9/5/2023	10/5/2023	17/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 4,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CAP	HNX	9/5/2023	10/5/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:28	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	SCY	UPCoM	9/5/2023	10/5/2023	22/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 524.7 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VDB	UPCoM	9/5/2023	10/5/2023	5/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 5,083 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	MTB	UPCoM	8/5/2023	9/5/2023	24/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	COM	HOSE	8/5/2023	9/5/2023	26/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	FMC	HOSE	8/5/2023	9/5/2023	26/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29	DTV	UPCoM	8/5/2023	9/5/2023	18/05/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt